TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST Ngày: 27/5/2025 *"V/v ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghị và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.
- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.
Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 962/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc: "Ly hôn, con chung"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.
HKTT: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: C V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Lê Nông Quang P, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:
Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Nông Quang P tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung như vợ chồng từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 22/10/2004.
Sống chung hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi

vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông P còn có hành vi bạo lực với bà H, dẫn đến bà Hậu bị sợ hãi, bà H đã cố gắng sống chung với ông P để nuôi dạy các con trưởng thành, nhưng nay mâu thuẫn đã trầm trọng, bà H đã chuyển ra ngoài sinh sống, ly thân với ông P từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Lê Nông Quang P.

Về con chung: Bà H và ông P có 4 con chung là: Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012; Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009; Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003; Các con chung là Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 hiện đang sống cùng bà H nên bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu; Cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 đang sống cùng ông P nên bà H có nguyện vọng giao cho ông P tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông** Lê Nông Quang P **trình bày:

Ông P và bà H tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 22/10/2004. Quá trình sống chung thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn xảy ra thì vợ chồng ông đã sống ly thân. Nay bà H xin ly hôn thì ý kiến của ông P là muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, ông cần thời gian để thuyết phục bà H đoàn tụ.

Về con chung: Bà H và ông P có 4 con chung là Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012; Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009; Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003; Các con chung là Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông có nguyện vọng chấp nhận giao cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 đang sống cùng ông P nên ông P có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử.
Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Lê Nông Quang P.
Về con chung: Bà H và ông P có 4 con chung là Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012; Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009; Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003; Các con chung là Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
Giao con chung là cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 cho ông Lê Nông Quang P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.
Ông Lê Nông Quang P và bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.
Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:
[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.
[2]. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Nông Quang P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 22/10/2004. Quá trình sống chung có 04 người con chung là Lê Nguyễn Hoàng A, Lê Thị Minh Á, Lê Thị Việt T và Lê Quang V, do cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc nên bà H khởi kiện ra tòa để nghị xem xét giải quyết.
[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Nông Quang P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 22/10/2004, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng bà H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, hiện đã sống ly thân, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông P. Ông P xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn xảy ra thì vợ chồng đã sống ly thân, ông P không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, ông bà hiện đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông P mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn, không thể hiện thiện chí, để mặc cho mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết quá trình sống chung giữa ông P và bà H có phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông P có 4 con chung là Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012; Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009; Lê Thị Việt T, sinh ngày 12/5/2006 và Lê Quang V, sinh ngày 09/7/2003. Các con chung là Lê Thị Việt T và Lê Quang V đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 hiện đang sống cùng bà H nên bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 đang sống cùng ông P nên bà H có nguyện vọng giao cho ông P tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên, nguyện vọng của bà H phù hợp với nguyện vọng của ông P và nguyện vọng của các con chung.

Xét thấy bà H và ông P đều đủ điều kiện nuôi con, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 cho ông Lê Nông Quang P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Lê Nông Quang P và bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.
Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.
Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.
Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thi H được ly hôn ông Lê Nông Quang P.
Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Minh Á, sinh ngày 31/1/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02/6/2012 cho ông Lê Nông Quang P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.
Các con chung là Lê Thị Việt T và Lê Quang V đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
Ông Lê Nông Quang P và bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.
Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.
Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
Về án phí: Bà Nguyễn Thi H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012535 ngày 11/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT**;**
- UBND xã Hoà Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Đình Thanh